CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

FireAnt

CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình

Ngày 30/09/2024	35,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**2.3%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	30,311 - 36,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,065
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	315
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.15
EPS	3,505
P/E	10.1

DT thuần
Q3/24
56.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.30| -0.5%
YoY: ▲ 3.90| 7.5%

LN thuần
Q3/24
34.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.40| 28.0%
YoY: ▲ 3.50| 11.6%

LN sau thuế
Q3/24
27.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.40| 24.2%
YoY: ▲ 2.00| 7.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
61.5%
YoY: +/-▲ 14.4%

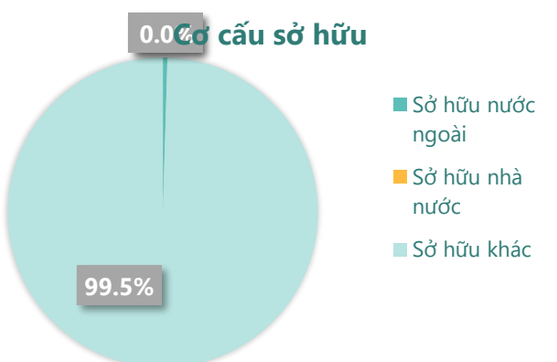
ROE (TTM)
Q3/24
12.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

DT thuần
9T 2024
165
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 3.5%

LN thuần
9T 2024
92.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.70| -1.8%

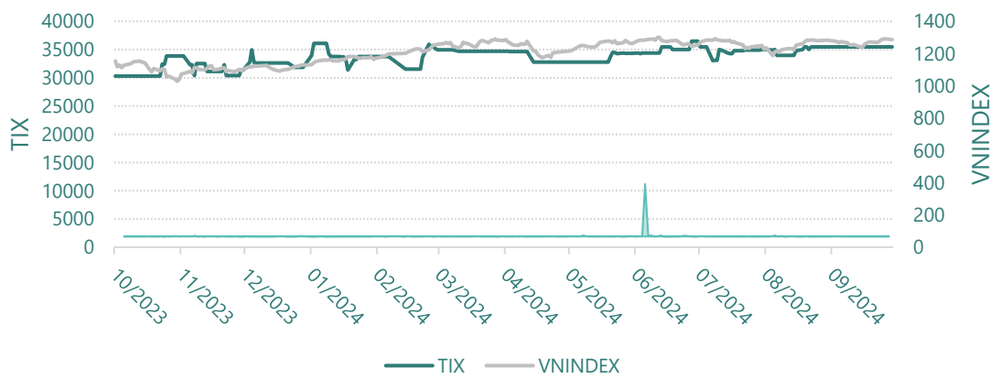
LN sau thuế
9T 2024
79.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.20| -3.9%

Cơ cấu sở hữu

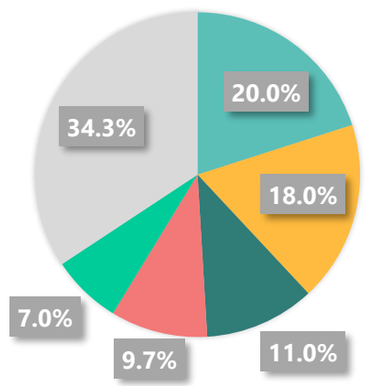


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

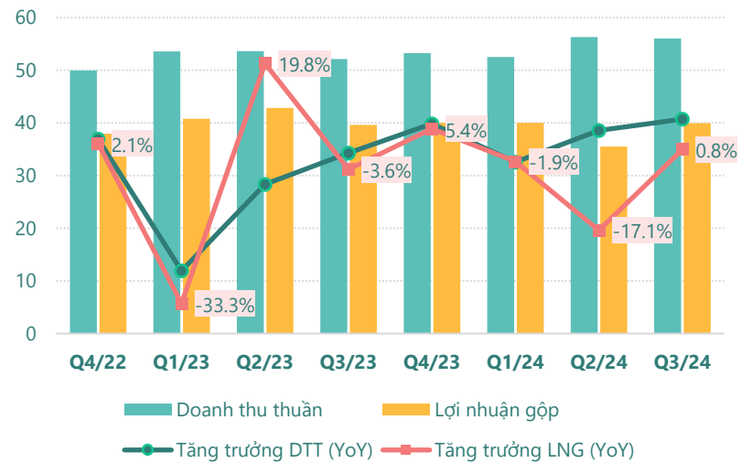


- CTCP Xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
- CTCP Sản xuất - Dịch vụ Tân Bình Tanimex
- CTCP Đầu tư và Phát triển Minh Phát
- Võ Nguyệt Thùy Vân
- CTCP Sản xuất Dịch vụ Hưng Phát
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

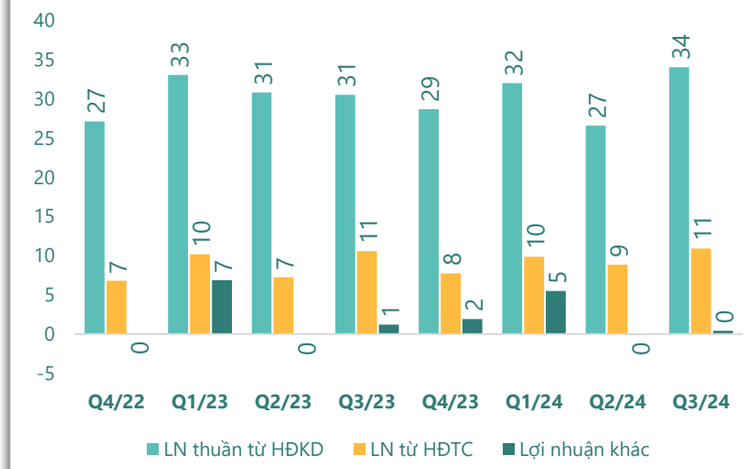
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



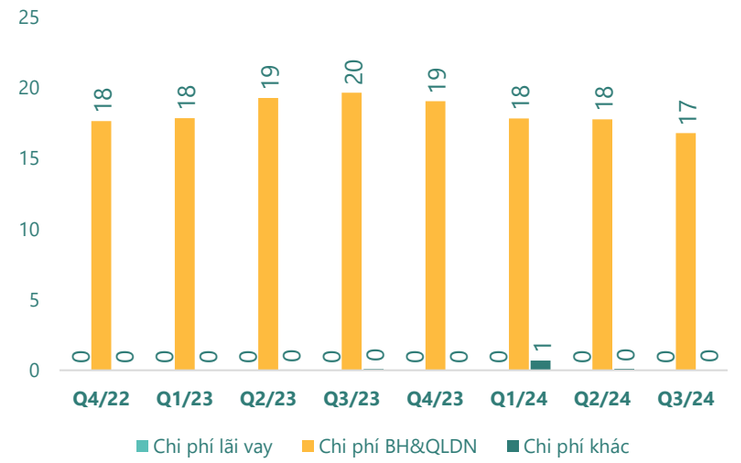
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



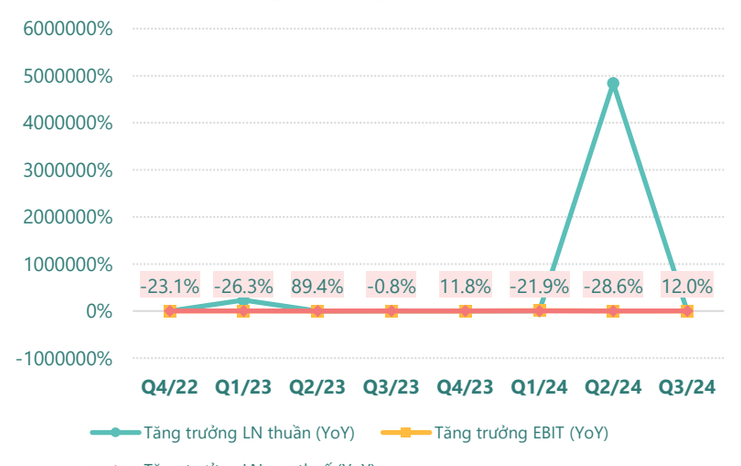
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



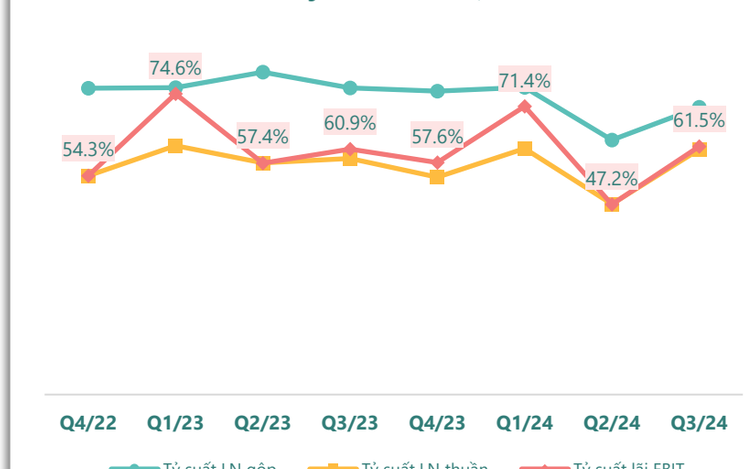
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



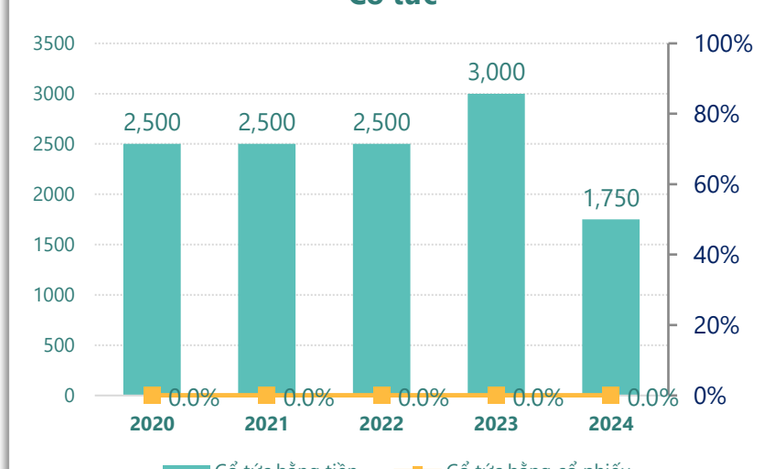
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

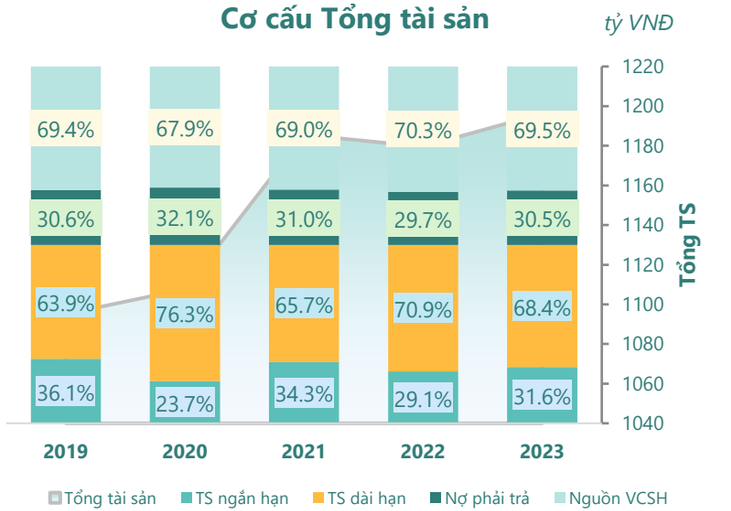
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

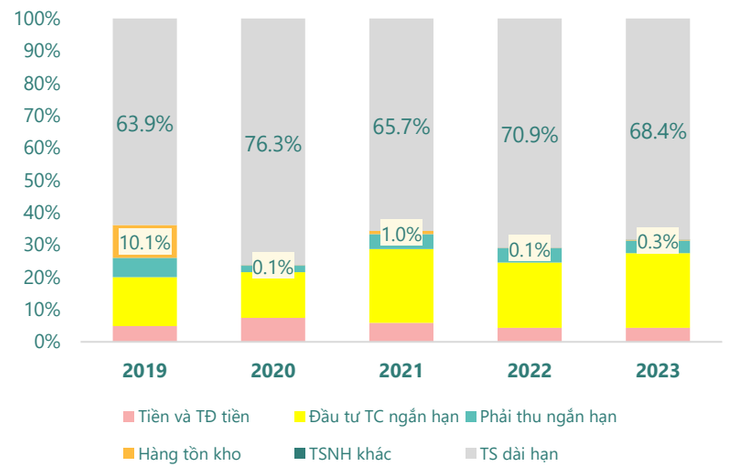
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



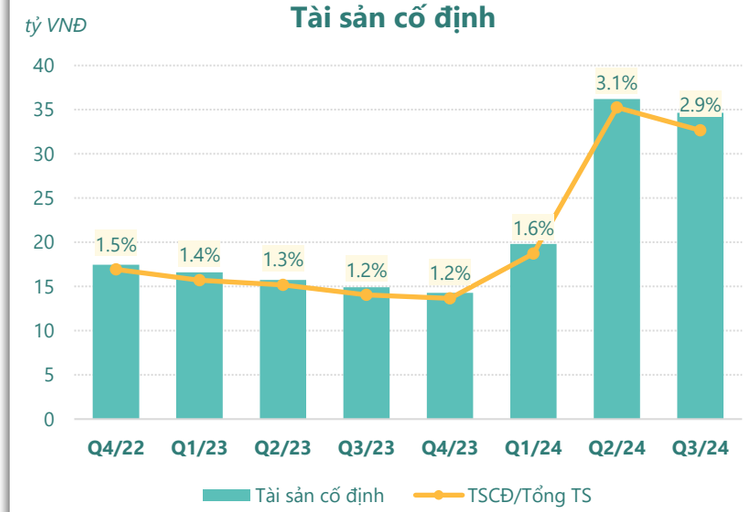
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



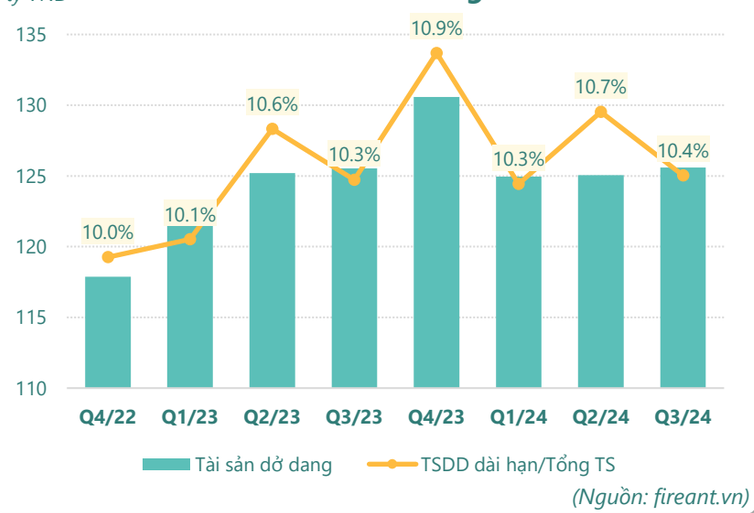
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



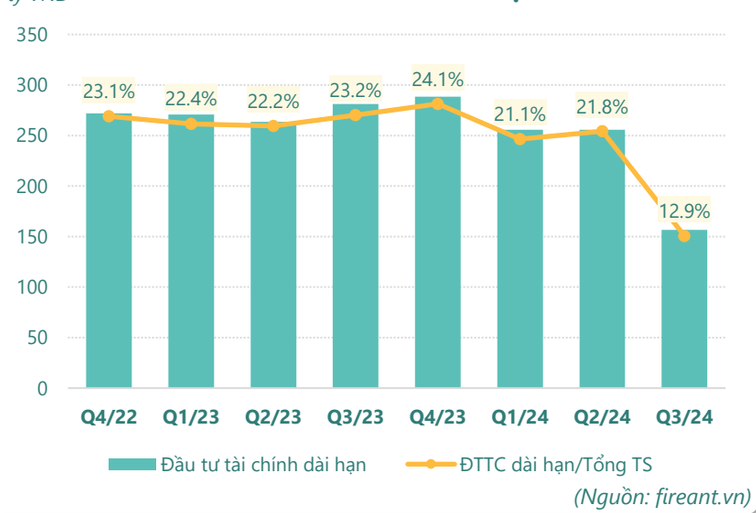
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



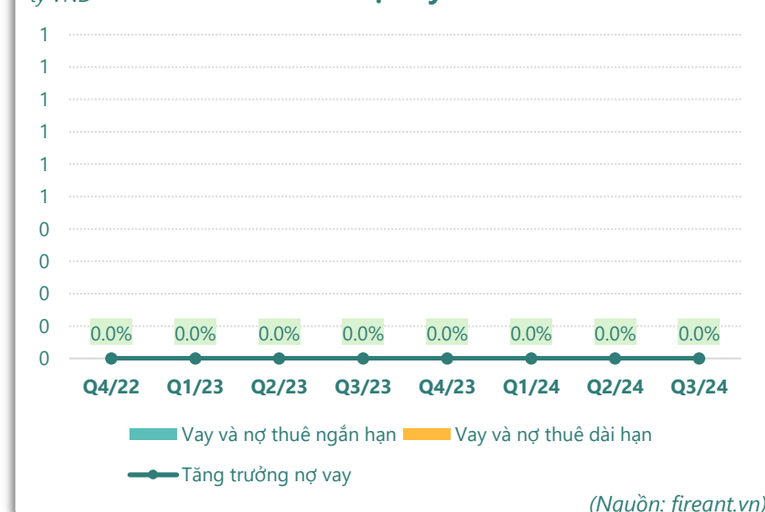
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

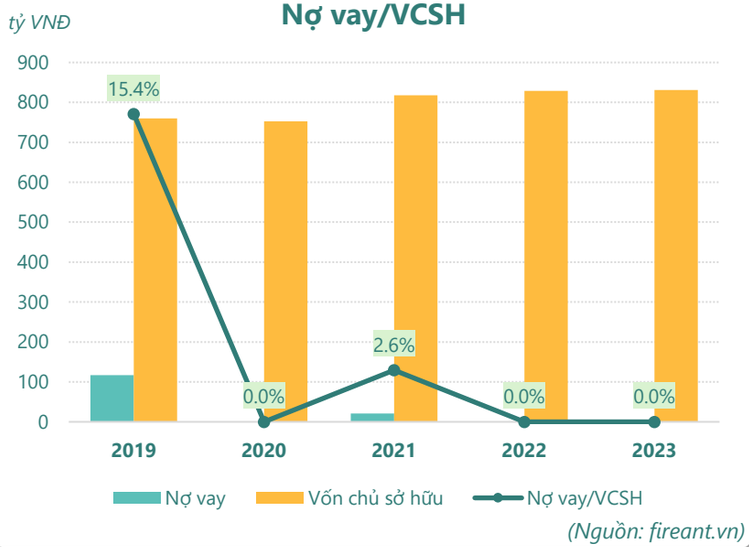
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

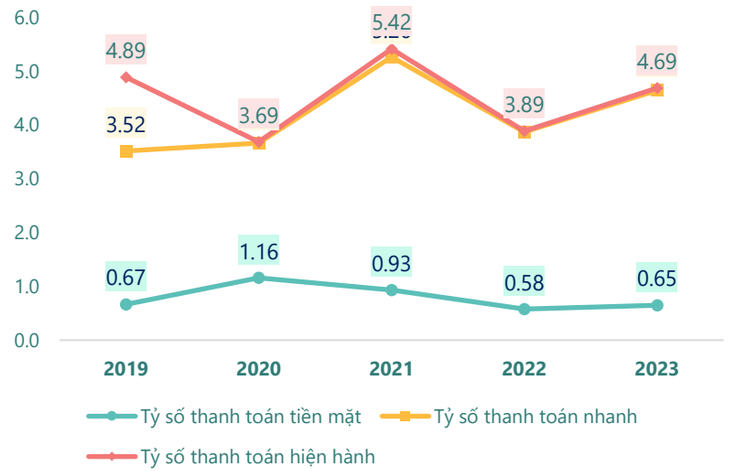
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



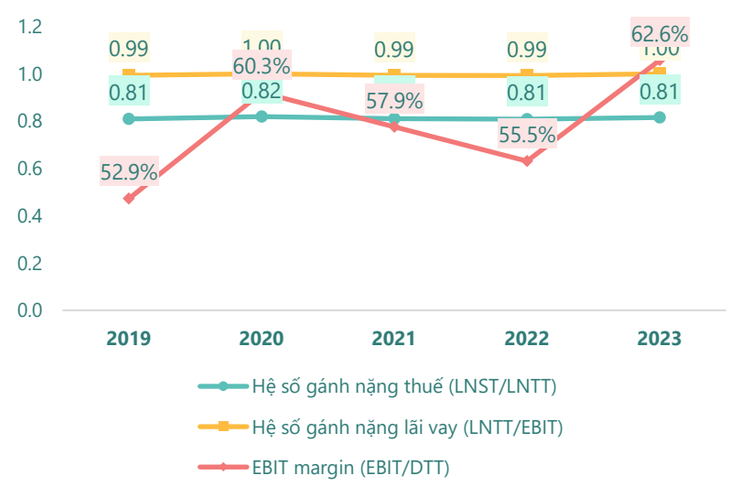
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



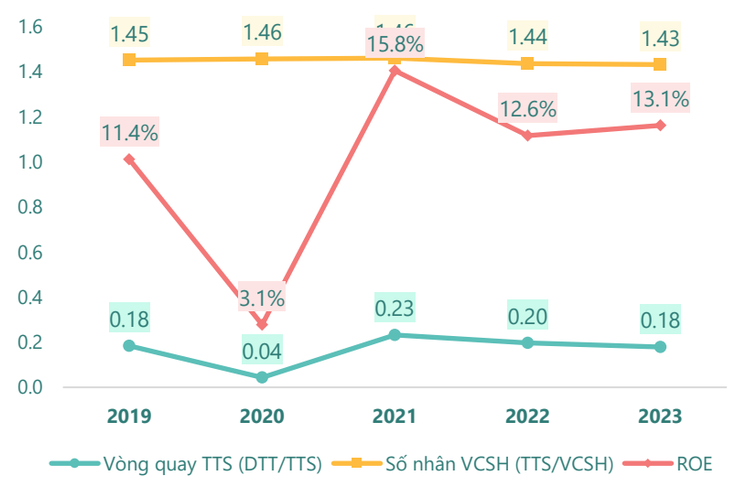
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



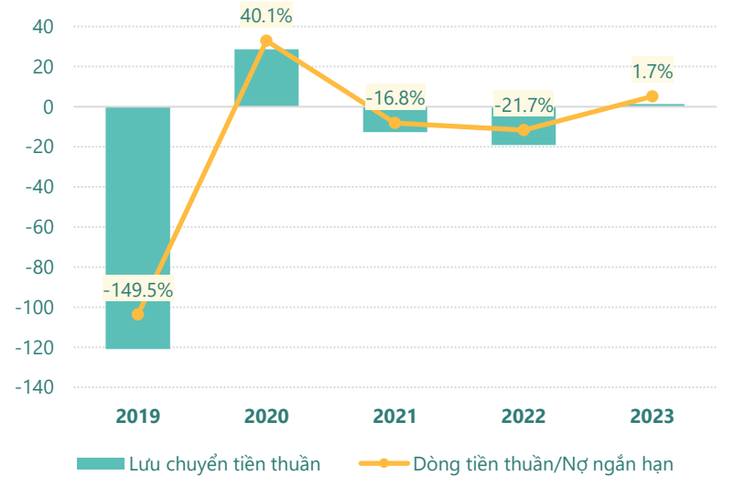
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**56.0**	**52.1**	**7.5%**	**165**	**159**	**3.5%**
Giá vốn hàng bán	16.1	12.5	28.7%	49.3	36.0	37.0%
Lợi nhuận gộp	39.9	39.6	0.8%	115	123	-6.3%
Doanh thu HĐTC	10.3	12.8	-19.2%	31.8	32.9	-3.6%
Chi phí TC	-0.57	2.19	-126%	2.12	4.93	-57.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	10.1	12.6	-20.1%	31.9	34.1	-6.5%
Chi phí QLDN	**6.73**	**7.10**	**-5.2%**	**20.5**	**22.7**	**-9.5%**
LN thuần từ HĐKD	34.0	30.5	11.6%	92.7	94.4	-1.8%
Lợi nhuận khác	**0.42**	**1.19**	**-65.0%**	**5.85**	**8.03**	**-27.1%**
LN trước thuế	34.5	31.7	8.7%	98.5	102	-3.8%
Lợi nhuận sau thuế	**27.6**	**25.6**	**7.7%**	**79.6**	**82.8**	**-3.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.6**	**25.6**	**7.7%**	**79.6**	**82.8**	**-3.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.8	31.4	19.7	25.4	26.7	46.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.3	-65.4	9.50	-26.7	17.7	-41.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.3	-0.05	-37.3	-0.15	-52.4	-0.15
Tiền đầu kỳ	85.7	94.6	60.5	52.3	50.9	42.8
Lưu chuyển tiền thuần	**8.92**	**-34.1**	**-8.13**	**-1.49**	**-8.03**	**4.62**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	94.6	60.5	52.3	50.9	42.8	47.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,212**	**1,196**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	534	378	41.3%
Tiền và tương đương tiền	47.4	52.3	-9.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	455	276	65.1%
Phải thu ngắn hạn	27.1	46.7	-41.8%
Hàng tồn kho	0.07	3.37	-98.0%
Tài sản ngắn hạn khác	4.42	0.11	3970%
Tài sản dài hạn	**678**	**818**	**-17.1%**
Phải thu dài hạn	7.28	11.9	-38.6%
Tài sản cố định	34.6	14.3	142%
Bất động sản đầu tư	183	198	-7.3%
Tài sản dở dang	126	131	-3.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	156	288	-45.8%
Tài sản dài hạn khác	**170**	**175**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	369	365	1.0%
Nợ ngắn hạn	**114**	**80.6**	**41.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.46	3.18	-22.5%
Nợ dài hạn	255	284	-10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**843**	**831**	**1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**843**	**831**	**1.4%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)